

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ,  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Bình.

2/ Ông Nguyễn Văn Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Ái T**, sinh năm 1989. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MA, xã MH, huyện MT, tỉnh ST.

**- Bị đơn:** Anh **Đỗ Thành L**, sinh năm 1985. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã ML B, huyện CB, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trần Thị Ái T trình bày:* Chị và anh Đỗ Thành L kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Ái L, sinh ngày 14/01/2025 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đỗ Thành L trình bày:* Anh đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý giao con chung cho chị T nuôi; Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Ái T và bị đơn anh Đỗ Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ái T xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là “Ly hôn, nuôi con”; Bị đơn anh Đỗ Thành L có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ái T và anh Đỗ Thành L kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 13/8/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bản thân chị T và anh L đều xác định không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được và đều mong muốn được ly hôn. Do vậy, chấp nhận cho chị T và anh L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Đỗ Ái L, sinh ngày 14/01/2025 hiện sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh L cũng đồng ý. Do vậy, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

### Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ái T. Cho chị Trần Thị Ái T được ly hôn anh Đỗ Thành L.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đỗ Ái L, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Trần Thị Ái T nuôi dưỡng. Anh Đỗ Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Ái T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016397 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè, TG;
- CC THADS huyện Cái Bè, TG;
- UBND xã Mỹ Lợi B, H.CB, TG;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Ngoan**



